

Đơn vị báo cáo:

Mẫu số: **B01-TCVM**

Địa chỉ: Ban hành theo Thông tư số 05/2019/TT-BTC

Ngày 25/01 /2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày ... tháng... năm

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Tài sản	100			
I	Tiền	110			
1	Tiền mặt	111			
2	Tiền gửi tại NHNN	112			
3	Tiền gửi tại các TCTD	113			
II	Các khoản đầu tư	120			
III	Các khoản cho vay	130			
1	Cho vay	131			
2	Cho vay bằng nguồn vốn ủy thác	132			
3	Các khoản nợ chờ xử lý	133			
4	Nợ cho vay được khoan	134			
5	Dự phòng rủi ro cho vay	139		(...)	(...)
III	Tài sản cố định	140			
1	Tài sản cố định hữu hình	141			
a	Nguyên giá TSCĐ	142			
b	Hao mòn TSCĐ (*)	143		(...)	(...)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	144			
a	Nguyên giá TSCĐ	145			
b	Hao mòn TSCĐ (*)	146		(...)	(...)
3	Tài sản cố định vô hình	147			
a	Nguyên giá TSCĐ	148			
b	Hao mòn TSCĐ (*)	149		(...)	(...)
IV	Tài sản khác	150			
1	Chi phí trả trước	151			
2	Các khoản ký quỹ, thế chấp, cầm cố	152			
3	Thuế GTGT được khấu trừ	153			
4	Tài sản khác	154			

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
V	Chi dự án	155			
VI	Các khoản phải thu	160			
1	Các khoản phải thu bên ngoài	161			
2	Lãi và phí phải thu	162			
3	Phải thu nội bộ	163			
4	Phải thu khác	164			
5	Dự phòng các khoản phải thu (*)	169		(...)	(...)
VII	Hàng tồn kho	170			
1	Công cụ, dụng cụ	171			
2	Vật liệu	172			
VIII	Xây dựng cơ bản dở dang	180			
IX	Ủy thác cho vay	190			
B	Nợ phải trả	200			
I	Vay cá nhân, các TCTD, tổ chức khác	210			
II	Tiền gửi của khách hàng	220			
III	Vốn nhận ủy thác cho vay	230			
IV	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	240			
V	Phải trả người lao động	250			
VI	Dự phòng phải trả	260			
VII	Các khoản phải trả	270			
1	Các khoản phải trả bên ngoài	271			
2	Lãi và phí phải trả	272			
3	Phải trả nội bộ	273			
4	Phải trả khác	274			
a	Nhận ký cược, ký quỹ	274a			
b	Chi phí phải trả	274b			
c	Phải trả khác	274c			
VIII	Nguồn kinh phí dự án	280			
IX	Quỹ của TCVM	290			
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	291			
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	292			
C	Vốn chủ sở hữu	300			

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	310			
II	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	320			
III	Quỹ đầu tư phát triển	330			
IV	Quỹ dự phòng tài chính	340			
V	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	350			
VII	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	360			
Tổng cộng nguồn vốn (400=200+300)		400			

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu có đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (xxx).

- Số liệu để lập cột “Số cuối năm” là số liệu được lấy từ Bảng cân đối tài khoản kế toán hoàn chỉnh của tháng 12 của năm tài chính hiện hành. Số liệu để lập cột “Số đầu năm” là số liệu được lấy từ Báo cáo tình hình tài chính hoàn chỉnh của tháng 12 của năm tài chính trước liền kề.

....., ngày ... tháng ... năm

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 05/2019/TT-BTC